

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2022/HS-ST
Ngày: 15/09/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hoài Sơn

2. Bà Ngô Thị Hoa

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Tiến Thành – Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái: Ông Nguyễn Công Thi – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 09 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2022/TLST-HS ngày 29 tháng 07 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXXST-HS ngày 29/08/2022 đối với các bị cáo:

1. Mai Văn T sinh ngày 15/10/1987. Tại huyện V, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn L, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn S và bà Ngô Thị C; có vợ là Hà Thị L và 02 người con (lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2009); tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 11/02/2022 đến ngày 17/02/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại – có mặt.

2. Nghiêm Viết H sinh ngày 19/10/1985. Tại huyện V, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn L, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nghiêm Xuân G (đã chết) và bà Tạ Thị Q; có vợ là Mai Thị T và 02 người con (lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2020); tiền án: Năm 2021 bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là 01 năm về tội “Đánh bạc” tại Bản án số: 08/2021/HS-ST ngày 05/02/2021 (Đến ngày phạm tội đã chấp hành xong thời gian thử thách); tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 11/02/2022 đến ngày 17/02/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại – có mặt.

3. Đặng Tồn N (tên gọi khác: Đặng Tuấn A) sinh ngày 07/02/1989. Tại huyện V, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn K, xã V, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Nho H và bà Đặng Thị T; có vợ là Lý Thị K và 02

người con (lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2013); tiền án: Có 01 tiền án về tội “Đánh bạc” tại bản án số 27/2021/HSST ngày 04/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện V bị xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng (Đến ngày phạm tội chưa chấp hành xong hình phạt); tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 11/02/2022 đến ngày 17/02/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại – có mặt.

4. Lò Văn N sinh ngày 13/08/1993. Tại huyện V, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn L, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Thanh S và bà Mai Thị N; có vợ là Hà Thị S và 02 người con (lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2020); tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 11/02/2022 đến ngày 17/02/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại – có mặt.

5. La Tài A sinh ngày 29/05/1977. Tại huyện V, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn M, xã Q, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông La Phúc C (đã chết) và bà Đặng Thị D; có vợ là Bàn Thị M (tên gọi khác Bàn Thị H) và 02 người con (lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 1999); tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 11/02/2022 đến ngày 17/02/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại – có mặt.

6. Ngô Văn K sinh ngày 20/12/1985. Tại huyện V, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn L, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Ngô Thị C (đã chết), bố không xác định; có vợ là Mai Thị H và 02 người con (lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2018); tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 11/02/2022 đến ngày 17/02/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại – có mặt.

7. Hà Văn T sinh ngày 04/12/1992. Tại huyện V, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn L, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn T (đã chết) và bà Ngô Thị P; có vợ là Hà Thị D và 02 người con (lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2020); tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 11/02/2022 đến ngày 17/02/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại – có mặt.

8. Ngô Văn T sinh ngày 25/07/1991. Tại huyện V, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn K, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn T và bà Hoàng Thị H; có vợ là Hà Thị T và 02 người con (lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2015); tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 11/02/2022 đến ngày 17/02/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại – có mặt.

9. Nguyễn Thanh T sinh ngày 05/08/1993. Tại huyện V, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái; Nơi tạm trú: Thôn Làng T, xã Phong Dụ T, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn

hóa: 09/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh P và bà Nguyễn Thị L; có vợ là La Thị L và 02 người con (lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2014); tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 11/02/2022 đến ngày 17/02/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại – có mặt.

10. Hà Văn T sinh ngày 18/04/1991. Tại huyện V, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn K, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Xuân H và bà Hà Thị L; có vợ là Mai Thị M và 02 người con (lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2019); tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 11/02/2022 đến ngày 17/02/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại – có mặt.

11. Nguyễn Văn Đ sinh ngày 26/11/1999. Tại huyện V, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn L, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T và bà Ngô Thị T; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 09/04/2018 bị Công an huyện V, tỉnh Yên Bái xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc”. Tại Quyết định số 83/QĐ-XPVPHC ngày 09/04/2018 (Bị cáo đã chấp hành xong ngày 09/04/2018); Bị tạm giữ từ ngày 11/02/2022 đến ngày 17/02/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại – có mặt.

12. Mai Văn B sinh ngày 13/08/1994. Tại huyện V, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn L, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Mai Đình L (đã chết) và bà Hoàng Thị N; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 28/01/2015 bị Công an huyện V, tỉnh Yên Bái xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh nhau” tại quyết định số 40/QĐ-XPVPHC ngày 28/01/2015 (Bị cáo đã chấp hành xong ngày 10/02/2015); Bị tạm giữ từ ngày 11/02/2022 đến ngày 17/02/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại – có mặt.

13. Ngô Văn B sinh ngày 09/02/1978. Tại huyện H, tỉnh Nam Định.

Nơi cư trú: Thôn L, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn B (đã chết) và bà Bùi Thị D; có vợ là Hoàng Thị H và 03 người con (lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2005); tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 11/02/2022 đến ngày 17/02/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại – có mặt.

14. Ngô Văn M sinh ngày 25/04/2002. Tại huyện V, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn K, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn T và bà Hoàng Thị H; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 11/02/2022 đến ngày 17/02/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại – có mặt.

15. Trịnh Văn T sinh ngày 06/03/1988. Tại huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Thôn L, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn T và bà Phạm Thị N; có vợ là Ngô Thị S và 02 người con (lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2014); tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 11/02/2022 đến ngày 17/02/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại – có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

- Anh Ngô Văn L, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Thôn L, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái – vắng mặt

- Anh Hà Hữu H, sinh năm 2000. Nơi cư trú: Thôn L, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái – có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

- *Người chứng kiến:* Anh Tạ Quang T. Nơi cư trú: Thôn S, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái - vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 10/02/2022 Nghiêm Viết H, Ngô Văn K, Lò Văn N đến nhà Mai Văn T (là anh vợ của H) ở cùng thôn chơi uống nước thì có Nguyễn Văn Đ cùng Đặng Tồn N (tên gọi khác: Đặng Tuấn A), La Tài A cũng đến nhà T chơi. Trong khi mọi người ngồi chơi, uống nước thì có một số người lạ mặt đến nhà T và cùng ngồi uống nước tại phòng khách. Tại đây mọi người rủ nhau đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa, H hỏi mượn nhà của T để đánh bạc và hứa hẹn sẽ gửi tiền điện, tiền nước sau khi đánh bạc xong, T đồng ý. Mọi người cùng nhau đi lên phòng ngủ tầng 2 nhà T, còn Nguyễn Văn Đ đi xuống bếp nhà T dùng dao cắt 04 mảnh đóm có kích thước khoảng 01cm x 1,5cm rồi dùng nhọ nồi bôi đen một mặt để làm “quân vị” và lấy một cái bát, một cái đĩa bằng sứ tại tủ phòng bếp nhà T cầm lên tầng 2 rồi trải chiếu nhựa có sẵn trong phòng để chuẩn bị đánh bạc. Bắt đầu đánh bạc Nghiêm Viết H nhận là người cầm cái và quy ước phía bên tay phải của H là “cửa chắn”, phía bên tay trái của H là “cửa lẻ”, mỗi ván đặt được từ 100.000 đồng trở lên. Sau đó H cho 04 “quân vị” vào đĩa, úp bát lại và xóc cái sau đó để xuống. Những người chơi sẽ đặt tiền cược theo “cửa chắn”, “cửa lẻ”. Kết quả xóc đĩa là “chẵn” nếu cả 04 “quân vị” hoặc 02 “quân vị” cùng màu, kết quả là “lẻ” nếu 03 “quân vị” cùng màu và 01 “quân vị” còn lại khác màu. Đặt cược xong thì H mở bát nếu ai thắng thì H sẽ trả tiền bằng số tiền người chơi đã đặt cược, nếu người chơi thua thì thu lấy tiền cược mà họ đã đặt. Những người tham gia đánh bạc ban đầu gồm Nghiêm Viết H, Nguyễn Văn Đ, Ngô Văn K, Lò Văn N, Đặng Tồn N, La Tài A và một số người khác không rõ tên tuổi, địa chỉ. Khi các đối tượng đang đánh bạc thì có Mai Văn B, Nguyễn Thanh T, Hà Văn T sinh năm 1992; Ngô Văn B; Hà Văn T sinh năm 1991, Ngô Văn T, Ngô Văn M, Trịnh Văn T đến sau và cùng tham gia đánh bạc. Quá trình đánh bạc, Nguyễn Văn Đ là người thu tiền “phế” (tiền điện và tiền nước) của những người chơi theo yêu cầu của Nghiêm Viết H để trả cho Mai Văn T. Đ đã thu tiền của 08 người gồm Hà Văn T, sinh năm 1992, Đặng Tồn N, Nguyễn Thanh T, La Tài A, Ngô Văn K, Lò Văn N mỗi người 200.000 đồng,

thu của Ngô Văn T và Ngô Văn M 300.000 đồng. Tổng số tiền thu được là 1.500.000 đồng.

Đến 01 giờ 10 phút ngày 11/02/2022 Công an huyện V, tỉnh Yên Bái phát hiện bắt quả tang tại tầng 1 và phòng ngủ tầng 2 nhà Mai Văn T 17 đối tượng liên quan đến hành vi đánh bạc gồm Nghiêm Viết H, Nguyễn Văn Đ, Đặng Tồn N, Mai Văn B, Hà Văn T sinh năm 1991, Ngô Văn B, Hà Văn T sinh năm 1992, Nguyễn Thanh T, Ngô Văn M, La Tài A, Ngô Văn T, Lò Văn N, Ngô Văn L, Trịnh Văn T, Hà Hữu H, Ngô Văn K, Mai Văn T. Thu giữ tại chiếu bạc gồm: 01 bát sứ, 01 đĩa sứ đều có màu trắng, nhiều hoa văn; 04 “quân vị” bằng đồng một mặt màu đen, một mặt màu trắng; 01 chiếu nhựa có nhiều hoa văn; Thu giữ trên người các đối tượng tổng số tiền 25.600.000 đồng; Thu giữ 2.900.000 đồng của Nguyễn Văn Đ để bên trong túi giả da màu nâu có dòng chữ “LOUIS VUITON” để dưới gầm giường.

Kết quả điều tra xác định: Khi tham gia đánh bạc Nghiêm Viết H sử dụng số tiền 500.000 đồng. Khi bị bắt quả tang H đang thắng, bị thu giữ trên người số tiền 2.600.000 đồng.

Nguyễn Văn Đ sử dụng số tiền 750.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang Đ đang thắng, bị thu giữ trên người 3.200.000 đồng và bị thu giữ số tiền 2.900.000 đồng trong túi da (trong đó có 1.500.000 đồng do Đ thu “phế” của các bị cáo khác, còn 1.400.000 đồng là tiền Đ đánh bạc thắng và cất giấu trong túi) .

Đặng Tồn N sử dụng số tiền 1.000.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang N đang thắng, bị thu giữ 1.300.000 đồng trên người.

Mai Văn B sử dụng số tiền 600.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang B đang thắng, bị thu giữ trên người số tiền 2.700.000 đồng.

Hà Văn T sinh năm 1992 sử dụng số tiền 2.000.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang T đang thua, bị thu giữ 1.900.000 đồng trên người.

Ngô Văn B sử dụng số tiền 500.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang B đang thắng, bị thu giữ 800.000 đồng trên người.

Hà Văn T sinh năm 1991 sử dụng số tiền 1.000.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang T đang thắng, bị thu giữ 1.500.000 đồng trên người.

Nguyễn Thanh T sử dụng số tiền 1.300.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang T đang thắng, bị thu giữ 2.000.000 đồng trên người.

Ngô Văn M sử dụng số tiền 300.000 đồng để đánh bạc và thua hết. Khi bị bắt quả tang M bị thu giữ 900.000 đồng trên người là số tiền Ngô Văn T (anh trai M) thắng và đưa M cầm hộ.

La Tài A sử dụng số tiền 3.000.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang A đang thua, bị thu giữ 1.500.000 đồng trên người.

Ngô Văn T sử dụng số tiền 1.500.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang T đang thắng, bị thu giữ 1.700.000 đồng trên người, ngoài ra T đưa cho Ngô Văn M cầm hộ số tiền thắng 900.000 đồng.

Lò Văn N sử dụng số tiền 3.000.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang N đang thua, bị thu giữ 1.600.000 đồng trên người.

Trịnh Văn T sử dụng số tiền 200.000 đồng để đánh bạc và thua hết. Khi bị bắt quả tang không bị thu giữ tiền trên người.

Ngô Văn K sử dụng số tiền 3.000.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang K đang thua, bị thu giữ 2.900.000 đồng trên người.

Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định số tiền thu giữ khi bắt quả tang gồm 25.600.000 đồng là tiền thu giữ trên người các đối tượng và 2.900.000 đồng là tiền cất giữ bên trong túi giả da màu nâu của Nguyễn Văn Đ tại gầm giường nơi các đối tượng đánh bạc.

Tại Kết luận giám định số 128, ngày 18/02/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái kết luận: “Toàn bộ số tiền 28.500.000 đồng gửi giám định đều là tiền do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành”.

Tại bản cáo trạng số: 35/CT-VKS-VY ngày 28/07/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên đã truy tố Mai Văn T về tội “Gá bạc” theo điểm b, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự. Nghiêm Viết H; Nguyễn Văn Đ; Đặng Tồn N; Mai Văn B; Hà Văn T; Ngô Văn B; Hà Văn Th; Nguyễn Thanh T; Ngô Văn M; La Tài A; Ngô Văn T; Lò Văn N; Trịnh Văn T; Ngô Văn K về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 điều 321 Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Mai Văn T phạm tội “Gá bạc”. Các bị cáo Nghiêm Viết H; Nguyễn Văn Đ; Đặng Tồn N; Mai Văn B; Hà Văn T; Ngô Văn B; Hà Văn Th; Nguyễn Thanh T; Ngô Văn M; La Tài A; Ngô Văn T; Lò Văn N; Trịnh Văn T; Ngô Văn K phạm tội “Đánh bạc”. Và đề nghị Hội đồng xét xử đối với từng bị cáo như sau:

- Căn cứ điểm b, c khoản 1 và khoản 3 Điều 322; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Mai Văn T 15 tháng đến 18 tháng tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định pháp luật. Phạt 20 triệu đến 30 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 56; Điều 58; khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Tồn N (tên gọi khác Đặng Tuấn A) 09 tháng đến 12 tháng tù và tổng hợp hình phạt với bản án số 27/2021/HSST ngày 04/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện V Yên. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án theo quy định pháp luật. Phạt 10 triệu đến 15 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nghiêm Viết H 09 tháng đến 12 tháng tù.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lò Văn N 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách theo quy định pháp luật. Phạt 10 triệu đến 15 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo La Tài A 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách theo quy định pháp luật. Phạt 10 triệu đến 15 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Ngô Văn K 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách theo quy định pháp luật.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hà Văn T (sinh năm 1992) 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách theo quy định pháp luật. Phạt 10 triệu đến 15 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Ngô Văn T 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách theo quy định pháp luật.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách theo quy định pháp luật.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hà Văn T (sinh năm 1991) 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách theo quy định pháp luật. Phạt 10 triệu đến 15 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách theo quy định pháp luật. Phạt 10 triệu đến 15 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Mai Văn B 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách theo quy định pháp luật. Phạt 10 triệu đến 15 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Ngô Văn B 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách theo quy định pháp luật. Phạt 10 triệu đến 15 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Ngô Văn M 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách theo quy định pháp luật.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trịnh Văn T 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách theo quy định pháp luật.

*** Về vật chứng vụ án:** Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự. Khoản 2 Điều 106; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền: 27.500.000đồng.

- Trả lại cho Ngô Văn L số tiền: 800.000đồng.

- Trả lại cho Hà Hữu H số tiền: 200.000đồng.

- Tịch thu tiêu hủy: Các công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội của các bị cáo không còn giá trị bao gồm: 01 (một) bát sứ màu trắng có nhiều hoa văn, họa tiết, chữ, màu sắc khác nhau đã qua sử dụng; 01 (một) đĩa sứ màu trắng có nhiều hoa văn, họa tiết, chữ, màu sắc khác nhau đã qua sử dụng; 04 quân vị làm bằng

nửa một mặt tối màu, một mặt sáng màu; 01 chiếc nhựa có nhiều hoa văn, màu sắc khác nhau, đã qua sử dụng; 01 phong bì sau khi mở niêm phong đối với số tiền 28.500.000đồng (Hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng).

*** Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Mai Văn T; Đặng Tồn N; Lò Văn N; La Tài A; Hà Văn T sinh năm 1992; Hà Văn T sinh năm 1991; Nguyễn Văn Đ; Mai Văn B; Ngô Văn B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Nghiêm Việt H; Ngô Văn T; Ngô Văn K; Ngô Văn M; Trịnh Văn T; Nguyễn Thanh T thuộc hộ nghèo, cận nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, tỉnh Yên Bái và Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái. Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo; người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình hỏi và tranh luận tại phiên tòa các bị cáo đã khai phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng của vụ án đã thu giữ, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Hồi 01 giờ 10 phút ngày 11/02/2022 các bị cáo Nghiêm Việt H, Nguyễn Văn Đ, Đặng Tồn N (tên gọi khác: Đặng Tuấn A), Mai Văn B, Hà Văn T sinh năm 1991, Ngô Văn B, Hà Văn T sinh năm 1992, Nguyễn Thanh T, Ngô Văn M, La Tài A, Ngô Văn T, Lò Văn N, Trịnh Văn T, Ngô Văn K đang cùng nhau đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền tại phòng ngủ tầng hai nhà của Mai Văn T địa chỉ thôn L, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V phát hiện, bắt quả tang, thu giữ 01 bát sứ, 01 đĩa sứ màu trắng có nhiều hoa văn, 04 “quân vị” bằng đồng một mặt màu đen, một mặt màu trắng; 01 chiếc nhựa có nhiều hoa văn và tổng số tiền 28.500.000đồng (Hai tám triệu năm trăm nghìn đồng). Trong đó có 1.500.000đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) là tiền Nguyễn Văn Đ thu “phế” của các bị cáo tham gia đánh bạc để trả cho Mai Văn T.

26.000.000đồng (Hai sáu triệu đồng) là tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc. Số tiền 800.000đồng (tám trăm nghìn đồng) thu giữ của Ngô Văn L và 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) thu giữ của Hà Hữu H không liên quan đến hành vi đánh bạc. Hành vi đánh bạc của các bị cáo đã phạm vào tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 điều 321 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Mai Văn T đã cho 14 bị cáo mượn địa điểm thuộc quyền sở hữu, quản lý của mình để đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền nhằm hưởng lợi bất chính. Hành vi này của bị cáo Mai Văn T đã phạm vào tội “Gá bạc” quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số: 35/CT-VKS-VY ngày 28/07/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái đã truy tố các bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội.

[3] Xét vai trò đồng phạm, tích chất, mức độ phạm tội của các bị cáo. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy đây là vụ án đồng phạm giản đơn, tính chất quy mô và số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc không lớn. Các bị cáo Nghiêm Viết H, Nguyễn Văn Đ, Đặng Tồn N (tên gọi khác: Đặng Tuấn A), Mai Văn B, Hà Văn T sinh năm 1991, Ngô Văn B, Hà Văn T sinh năm 1992, Nguyễn Thanh T, Ngô Văn M, La Tài A, Ngô Văn T, Lò Văn N, Trịnh Văn T, Ngô Văn K đã có hành vi đánh bạc ngày 11/02/2022 tại nhà Mai Văn T. Vì vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi đánh bạc của mình.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn. Mặc dù nhận thức rõ hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố tình thực hiện, mục đích nhằm thu lợi bất chính phục vụ nhu cầu của bản thân.

[5] Về nhân thân: Các bị cáo Đặng Tồn N, Nghiêm Viết H đã có 01 tiền án về tội “Đánh bạc” chưa được xóa án tích. Các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Mai Văn B có 01 tiền sự đã thi hành xong. Các bị cáo Mai Văn T, Hà Văn T sinh năm 1991, Ngô Văn B, Hà Văn T sinh năm 1992, Nguyễn Thanh T, Ngô Văn M, La Tài A, Ngô Văn T, Lò Văn N, Trịnh Văn T, Ngô Văn K đều chưa có tiền án, tiền sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đặng Tồn N và bị cáo Nghiêm Viết H có 01 tiền án chưa được xóa án nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong suốt quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa 15 bị cáo đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự mà các bị cáo được hưởng.

Hành vi đánh bạc của bị cáo Nguyễn Văn Đ; Mai Văn B; Hà Văn T sinh năm 1991, Ngô Văn B, Hà Văn T sinh năm 1992, Nguyễn Thanh T, Ngô Văn M, La Tài A, Ngô Văn T, Lò Văn N, Trịnh Văn T, Ngô Văn K là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do vậy các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Mai Văn T tại phiên tòa sơ thẩm đã cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện trong quá trình tại ngoại bị cáo đã giúp lực lượng Công an phát hiện tội phạm nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Ngô Văn T; Ngô Văn M có bố đẻ là ông Ngô Văn T tham gia dân công hỏa tuyến. Bị cáo Nguyễn Thanh T có bố đẻ là ông Nguyễn Thanh P là người tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc sau ngày 30/04/1975 đã được hưởng trợ cấp một lần theo quyết định của Bộ tư lệnh quân khu 2 trực thuộc Bộ quốc phòng. Bị cáo Hà Văn T sinh năm 1991 có bố đẻ là ông Hà Xuân H là người có công với cách mạng, được Hội đồng Bộ trưởng tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì. Do vậy bốn bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc, đặc điểm nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy phải có một mức án phù hợp với từng bị cáo.

Đối với các bị cáo Đặng Tồn N và Nghiêm Viết H đã có tiền án về tội “Đánh bạc” chưa được xóa án tích nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà còn tiếp tục phạm tội. Do vậy cần cách ly hai bị cáo này ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho xã hội đồng thời răn đe, phòng ngừa tội phạm nói chung.

Bị cáo Mai Văn T chưa có tiền án, tiền sự và có nơi cư trú rõ ràng, không có tình tiết tăng nặng và có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Nguyễn Văn Đ; Mai Văn B; Hà Văn T sinh năm 1991, Ngô Văn B, Hà Văn T sinh năm 1992, Nguyễn Thanh T, Ngô Văn M, La Tài A, Ngô Văn T, Lò Văn N, Trịnh Văn T, Ngô Văn K đều phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, chưa có tiền án, tiền sự và có nơi cư trú rõ ràng, không có tình tiết tăng nặng. Các bị cáo đều có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự và bốn bị cáo Ngô Văn T, Ngô Văn M, Nguyễn Thanh T, Hà Văn T sinh năm 1991 có thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội cũng có thể giáo dục cải tạo các bị cáo thành công dân tốt có ích cho xã hội, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước đối với người phạm tội.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 điều 321 Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến năm mươi triệu đồng ...*”. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo Đặng Tồn N (tên gọi khác Đặng Tuấn A); Lò Văn N; La Tài A; Hà Văn T sinh năm 1992; Nguyễn Văn Đ; Mai Văn B; Ngô Văn B; Hà Văn T sinh năm 1991 gia đình không thuộc hộ nghèo, cận nghèo. Do vậy cần phạt các bị cáo một khoản tiền sung ngân sách Nhà Nước.

Theo quy định tại khoản 3 điều 322 Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ hai mươi triệu đồng đến một trăm triệu đồng ...*”. Hành vi Gá bạc của bị cáo Mai Văn T thu lợi bất chính. Gia đình bị cáo không thuộc hộ nghèo, cận nghèo. Do vậy cần phạt bị cáo một khoản tiền sung ngân sách Nhà Nước.

Các bị cáo Nghiêm Viết H; Ngô Văn T; Ngô Văn K; Ngô Văn M; Trịnh Văn T; Nguyễn Thanh T gia đình thuộc hộ nghèo, cận nghèo. Nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Đối với bị cáo Đặng Tồn N tại bản án số 27/2021/HSST ngày 04/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện V bị xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian

thủ thách 18 tháng nhưng trong quá trình khởi tố vụ án bị cáo đã bị tạm giữ 03 ngày (từ ngày 22/12/2020 đến ngày 25/12/2020). Đến lần phạm tội này bị cáo bị tạm giữ 06 ngày (từ ngày 11/02/2022 đến ngày 17/02/2022). Do vậy bị cáo được trừ thời gian tạm giữ hai lần là 09 ngày theo quy định pháp luật.

Đối với bị cáo Nghiêm Viết H đã bị tạm giữ 06 ngày (từ ngày 11/02/2022 đến ngày 17/02/2022). Do vậy bị cáo được trừ thời gian tạm giữ là 06 ngày theo quy định pháp luật.

[10] Đối với Ngô Văn L và Hà Hữu H có mặt tại nơi đánh bạc, nhưng không tham gia đánh bạc. Do vậy Cơ quan điều tra không xử lý hình sự đối với L và H là phù hợp.

[11] Về vật chứng của vụ án: Đối với khoản tiền các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cần được xử lý như sau:

* Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền: 27.500.000đồng (Hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Trong đó:

- 26.000.000đồng (Hai sáu triệu đồng) tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc ngày 11/02/2022.

- 1.500.000đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn Đ là tiền thu phé.

* Trả lại: Ngô Văn L số tiền: 800.000đồng (tám trăm nghìn đồng) và Hà Hữu H số tiền: 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) không liên quan đến vụ án.

* Tịch thu tiêu hủy: Các công cụ phương tiện liên quan đến việc phạm tội của các bị cáo không còn giá trị bao gồm: 01 (một) bát sứ màu trắng có nhiều hoa văn, họa tiết, chữ, màu sắc khác nhau đã qua sử dụng; 01 (một) đĩa sứ màu trắng có nhiều hoa văn, họa tiết, chữ, màu sắc khác nhau đã qua sử dụng; 04 quân vị làm bằng nửa một mặt tối màu, một mặt sáng màu; 01 chiếu nhựa có nhiều hoa văn, màu sắc khác nhau, đã qua sử dụng; 01 phong bì sau khi mở niêm phong đối với số tiền 28.500.000đồng (Hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng).

[12] Về án phí: Các bị cáo Mai Văn T; Đặng Tồn N; Lò Văn N; La Tài A; Hà Văn T sinh năm 1992; Hà Văn T sinh năm 1991; Nguyễn Văn Đ; Mai Văn B; Ngô Văn B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nghiêm Viết H; Ngô Văn T; Ngô Văn K; Ngô Văn M; Trịnh Văn T; Nguyễn Thanh T thuộc hộ nghèo, cận nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[13] Các bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Mai Văn T phạm tội “Gá bạc”.

Các bị cáo Nghiêm Viết H, Nguyễn Văn Đ, Đặng Tồn N (tên gọi khác: Đặng Tuấn A), Mai Văn B, Hà Văn T sinh năm 1991, Ngô Văn B, Hà Văn T sinh năm 1992, Nguyễn Thanh T, Ngô Văn M, La Tài A, Ngô Văn T, Lò Văn N, Trịnh Văn T, Ngô Văn K phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt và điều luật áp dụng:

2.1. Căn cứ điểm b, c khoản 1 và khoản 3 Điều 322; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Mai Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Mai Văn T cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo Mai Văn T có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo Mai Văn T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bị cáo 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng).

2.2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nghiêm Viết H 09 (chín) tháng tù. Được khấu trừ 06 ngày tạm giữ (11/02/2022 đến 17/02/2022). Bị cáo còn phải chấp hành 08 (tám) tháng 24 (hai bốn) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2.3. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 56; Điều 17; Điều 58; khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Tồn N (tên gọi khác Đặng Tuấn A) 01 (một) năm tù.

Tổng hợp với hình phạt 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tại bản án số: 27/2021/HSST ngày 04/06/2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái. Buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai bản án là 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Được khấu trừ 09 ngày tạm giữ. Bị cáo còn phải chấp hành là 01 (một) năm 08 (tám) tháng 21 (hai một) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Phạt bị cáo 10.000.000đồng (Mười triệu đồng).

2.4. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lò Văn N 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lò Văn N cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo Lò Văn N có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo Lò Văn N thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bị cáo 10.000.000đồng (Mười triệu đồng).

2.5. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo La Tài A 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo La Tài A cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện V, tỉnh Yên Bái để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo La Tài A có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo La Tài A thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bị cáo 10.000.000đồng (Mười triệu đồng).

2.6. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Ngô Văn K 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Ngô Văn K cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo Ngô Văn K có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo Ngô Văn K thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.7. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hà Văn T (sinh năm 1992) 08

(tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Hà Văn T cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo Hà Văn T có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo Hà Văn T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bị cáo 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

2.8. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Ngô Văn T 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 02 (hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Ngô Văn T cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo Ngô Văn T có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo Ngô Văn T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.9. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 02 (hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thanh T cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo Nguyễn Thanh T có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Thanh T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.10. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hà Văn T (sinh năm 1991) 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 02 (hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Hà Văn T cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo Hà Văn T có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo Hà Văn T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bị cáo 10.000.000đồng (Mười triệu đồng).

2.11. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 02 (hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo Nguyễn Văn Đ có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Văn Đ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bị cáo 10.000.000đồng (Mười triệu đồng).

2.12. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Mai Văn B 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 02 (hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Mai Văn B cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo Mai Văn B có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo Mai Văn B thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bị cáo 10.000.000đồng (Mười triệu đồng).

2.13. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Ngô Văn B 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 02 (hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Ngô Văn B cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo Ngô Văn B có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo Ngô Văn B thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bị cáo 10.000.000đồng (Mười triệu đồng).

2.14. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Ngô Văn M 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Ngô Văn M cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo Ngô Văn M có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo Ngô Văn M thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.15. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trịnh Văn T 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trịnh Văn T cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo Trịnh Văn T có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo Trịnh Văn T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về vật chứng vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự. Khoản 2 Điều 106; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

* **Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước** số tiền: 27.500.000đồng (Hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

* **Trả lại:**

- Ngô Văn L số tiền: 800.000đồng (tám trăm nghìn đồng)

- Hà Hữu H số tiền: 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng).

* **Tịch thu tiêu hủy:** 01 (một) bát sứ màu trắng có nhiều hoa văn, họa tiết, chữ, màu sắc khác nhau đã qua sử dụng; 01 (một) đĩa sứ màu trắng có nhiều hoa văn, họa tiết, chữ, màu sắc khác nhau đã qua sử dụng; 04 quân vị làm bằng nửa một mặt tối màu, một mặt sáng màu; 01 chiếc nhựa có nhiều hoa văn, màu sắc khác nhau, đã qua sử dụng.

- 01 phong bì sau khi mở niêm phong đối với số tiền 28.500.000đồng (Hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng số: 37 ngày 17 tháng 08 năm 2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh Yên Bái và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện V, tỉnh Yên Bái).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Mai Văn T; Đặng Tồn N (tên gọi khác Đặng Tuấn A); Lò Văn N; La Tài A; Hà Văn T sinh năm 1992; Hà Văn T sinh năm 1991; Nguyễn Văn Đ; Mai Văn B; Ngô Văn B mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Nghiêm Việt H; Ngô Văn K; Ngô Văn T; Ngô Văn M; Trịnh Văn T; Nguyễn Thanh T được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

- Cơ quan CSĐT Công an huyện V
- Cơ quan THAHS Công an huyện V.
- Bộ phận HSNV Công an huyện V
- VKSND huyện V
- VKSND tỉnh Yên Bái
- THADS huyện V
- THA phạt tù (30)
- Các bị cáo (15)
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (2)
- Lưu HSVA - TA

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Thoảng